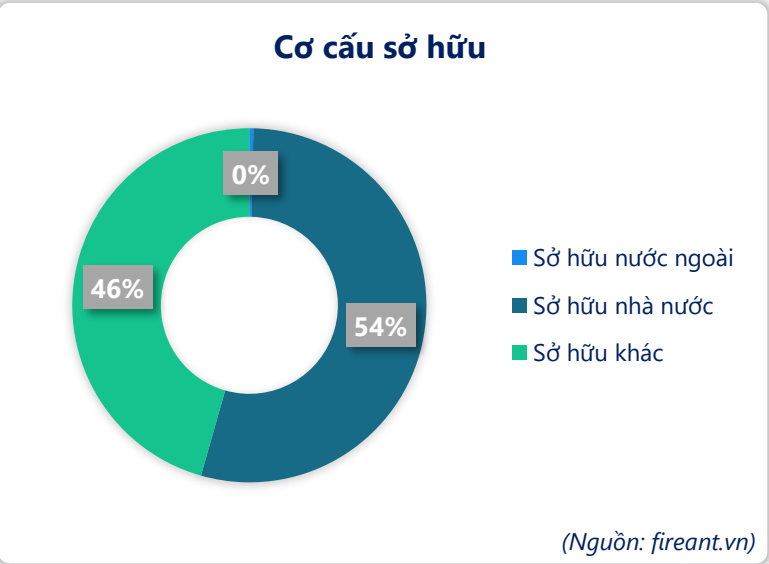
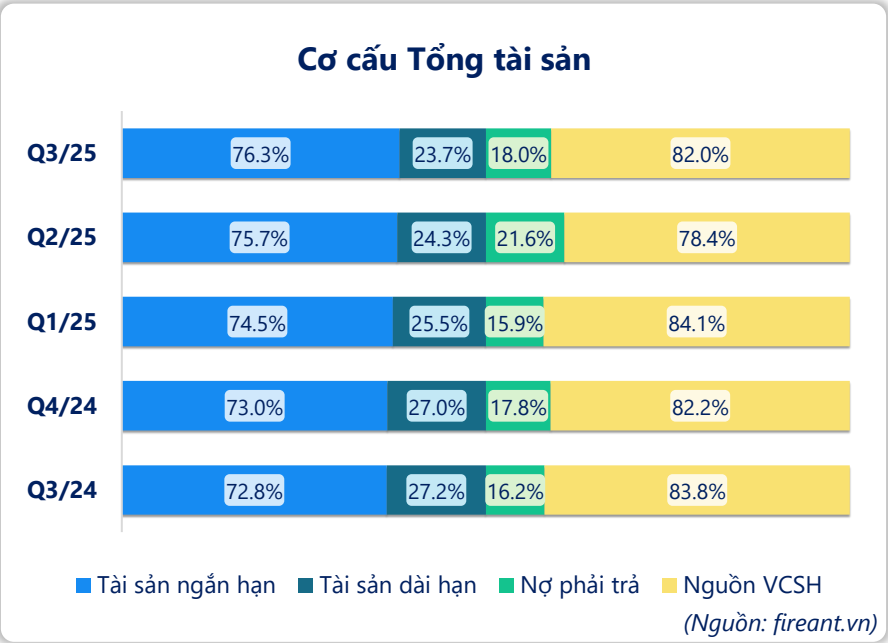
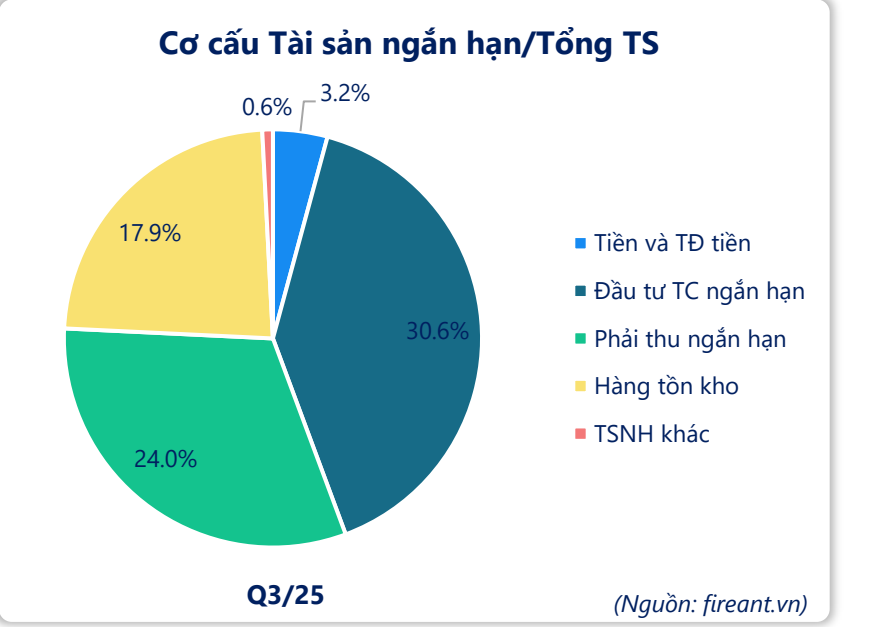
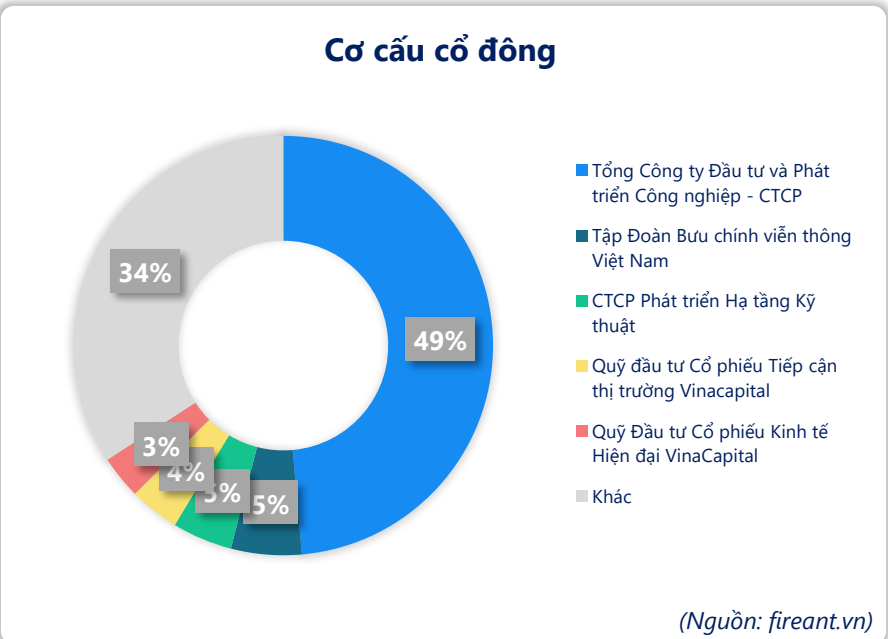
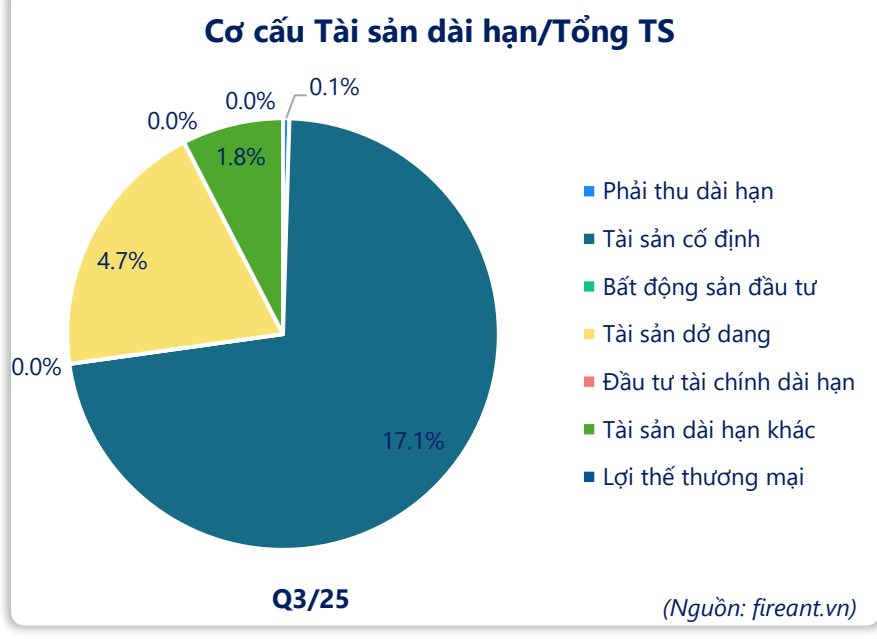
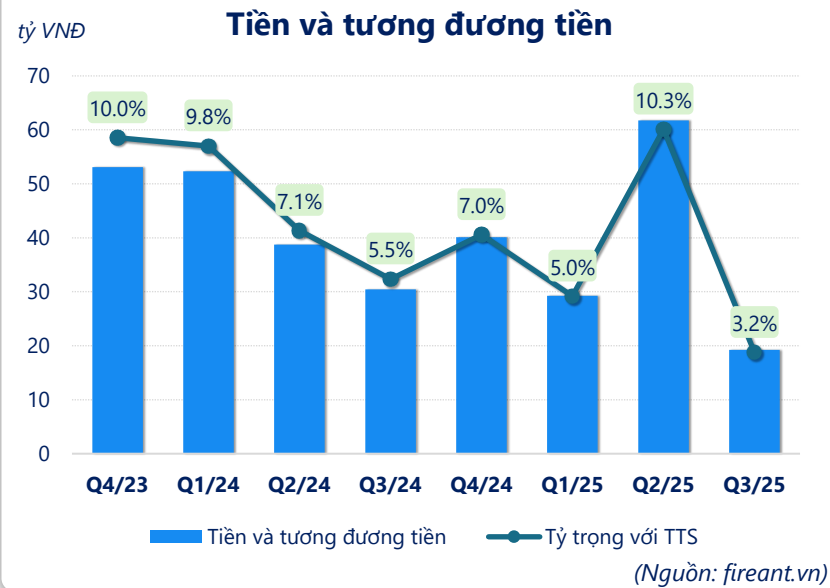
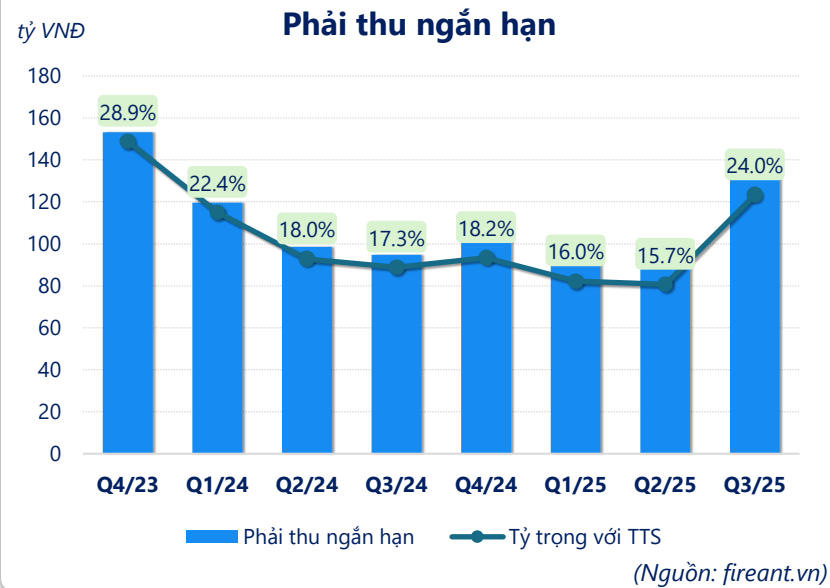
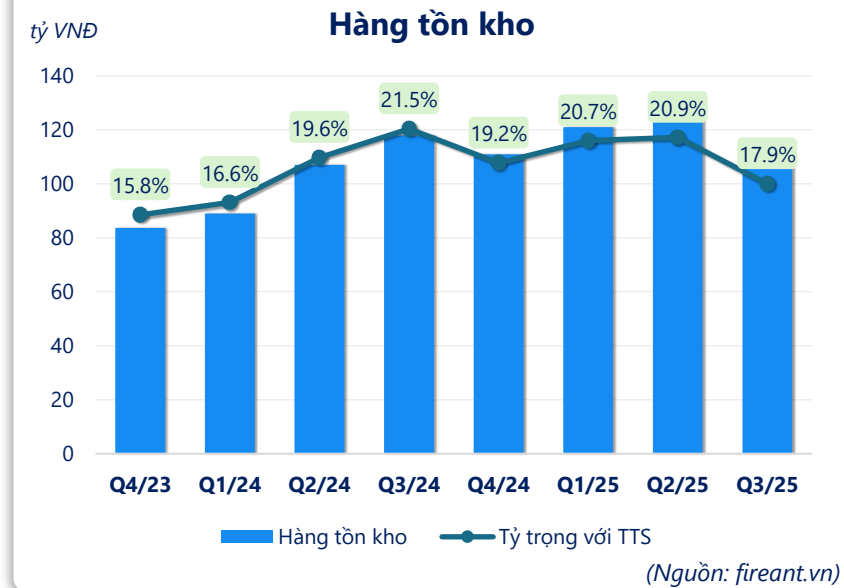
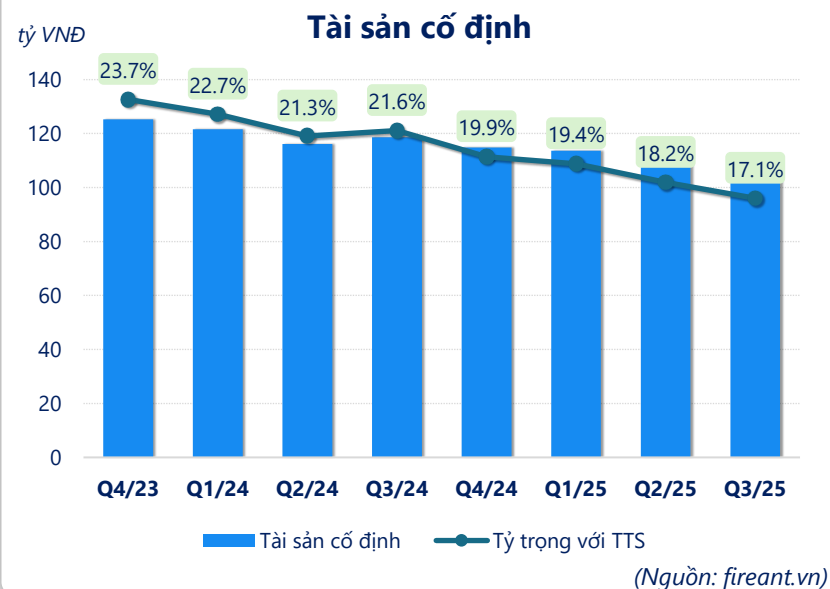
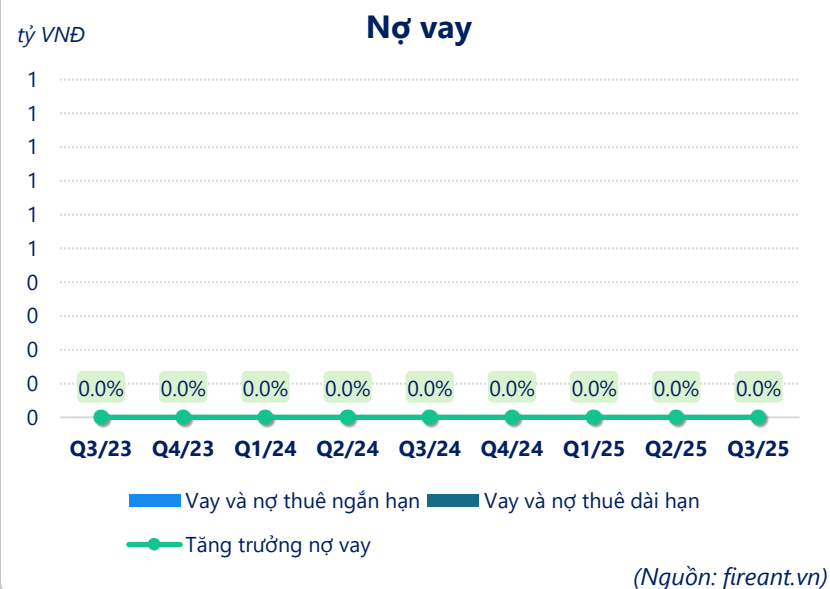
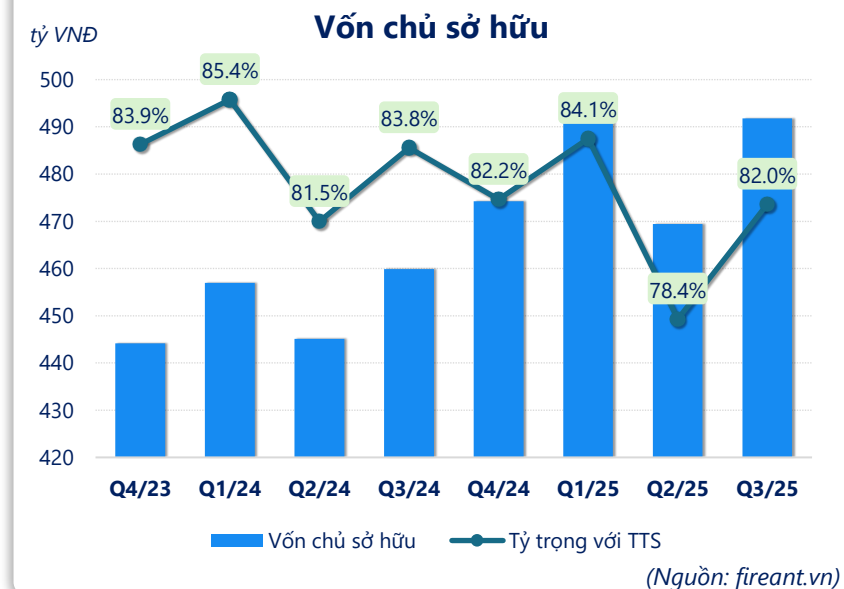
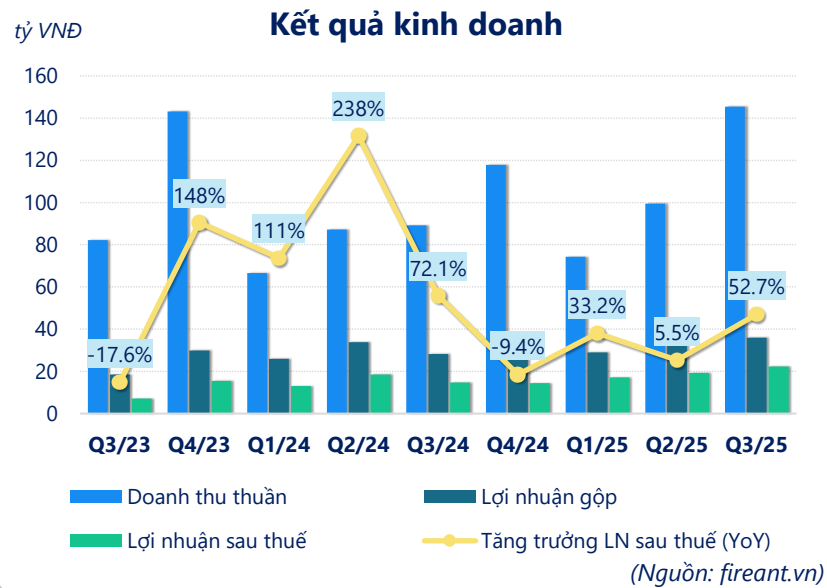
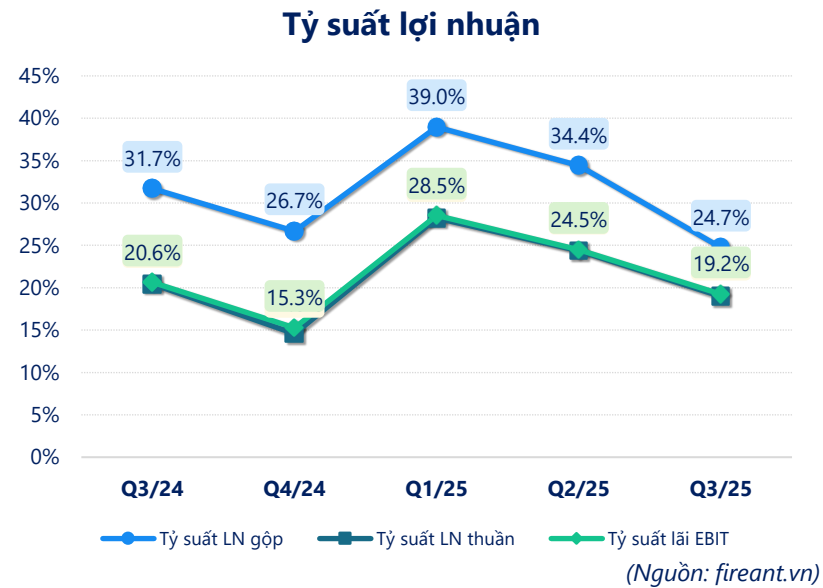
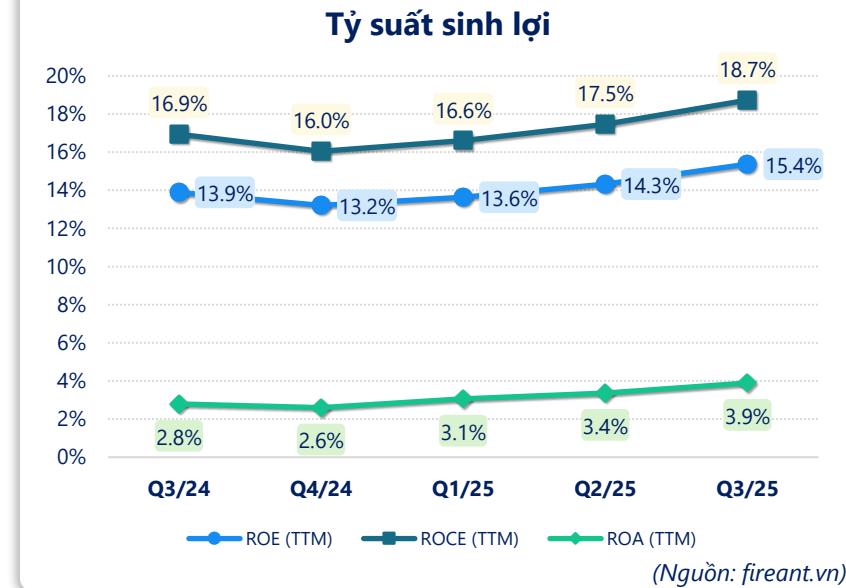
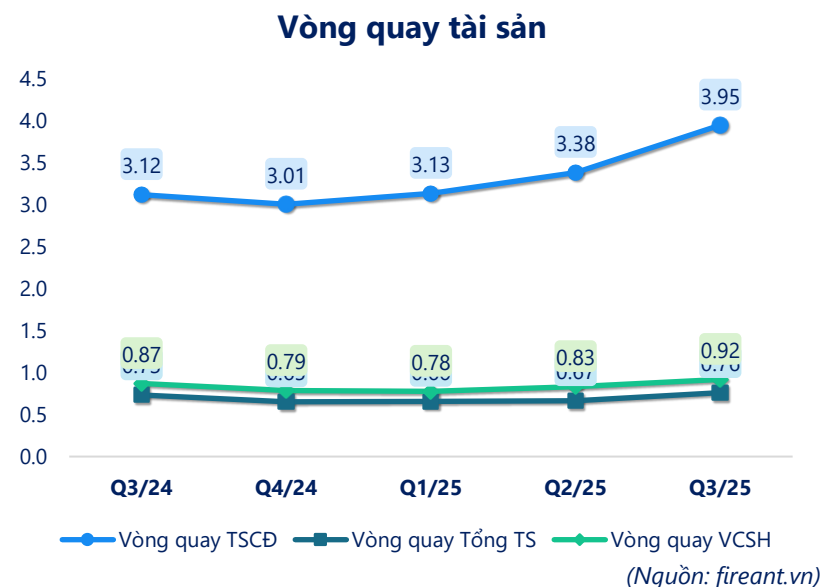
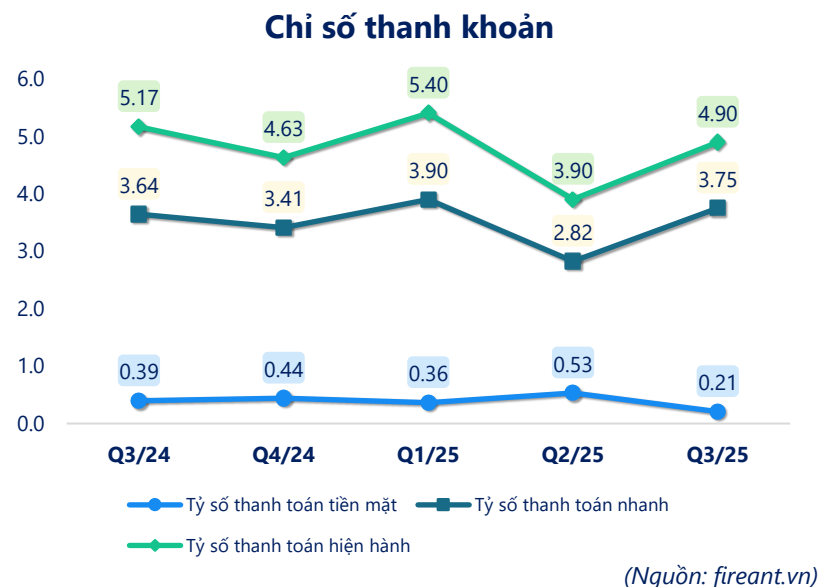
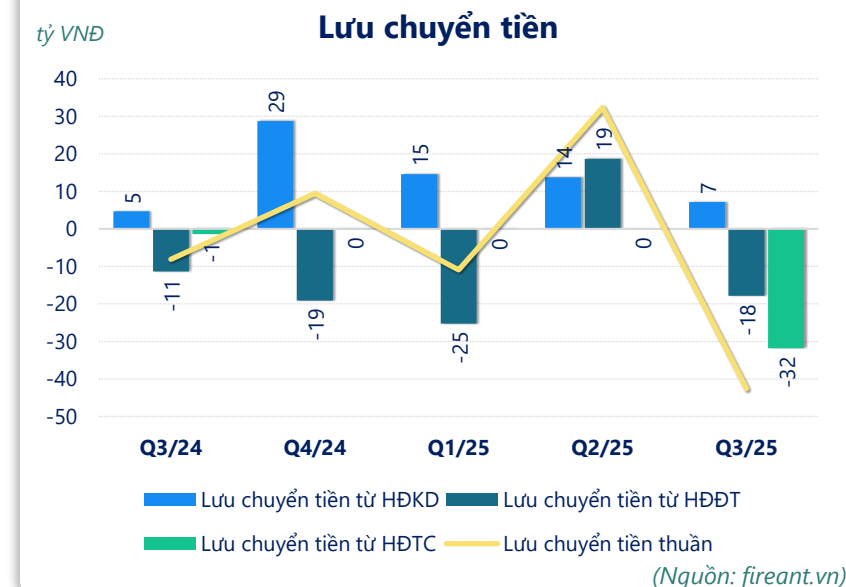


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,890
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,540
SL cổ phiếu LH		36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		70,320
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		621
P/E		8.5
EPS		1,992

	YTD	1T	3T	6T
TTN	-21.6%	0.0%	-4.5%	-0.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	599	577	3.9%
Tài sản ngắn hạn	457	421	8.6%
Tiền và tương đương tiền	19.3	40.1	-52.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	184	163	12.9%
Phải thu ngắn hạn	144	105	37.2%
Hàng tồn kho	107	111	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.75	2.83	32.2%
Tài sản dài hạn	142	156	-8.8%
Phải thu dài hạn	0.68	0.24	184%
Tài sản cố định	103	115	-10.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.9	32.5	-14.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.8	8.25	30.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	102	5.2%
Nợ ngắn hạn	93.4	90.6	3.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	30.7	35.8	-14.3%
Nợ dài hạn	14.2	11.7	21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	492	475	3.6%
Vốn chủ sở hữu	492	475	3.6%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	89.2	118	74.4	99.4	145
Giá vốn hàng bán	61.0	86.4	45.4	65.2	109
Lợi nhuận gộp	28.3	31.4	29.0	34.2	36.0
Doanh thu HĐTC	1.35	1.76	1.93	2.45	2.23
Chi phí TC	0.00	0.00	0	0.00	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.79	6.19	3.85	4.22	4.22
Chi phí QLDN	7.59	9.83	6.07	8.20	6.42
LN thuần từ HĐKD	18.3	17.2	21.0	24.2	27.6
Lợi nhuận khác	0.16	0.82	0.23	0.09	0.40
LN trước thuế	18.4	18.0	21.2	24.3	28.0
Lợi nhuận sau thuế	14.7	14.4	17.1	19.3	22.3
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	14.4	17.1	19.3	22.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.64	28.7	14.5	13.7	7.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.4	-19.1	-25.2	18.7	-17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.41	-0.16	-0.22	-0.10	-31.8
Tiền đầu kỳ	38.7	30.4	40.1	29.3	61.7
Lưu chuyển tiền thuần	-8.14	9.48	-10.9	32.3	-42.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.15	0.21	0.04	0.16	0.09
Tiền cuối kỳ	30.4	40.1	29.3	61.7	19.3

(Nguồn: fireant.vn)